

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 01

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu VT Anh	DH18CC	Anh		5,9		2,6	8,5	○○○1234567●910	○1234●6789
2	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC	An		6,7		2,7	9,4	○○○12345678●10	○123●56789
3	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC	Bao		5,9		2,6	8,5	○○○1234567●910	○1234●6789
4	18118012	Tạ Đức Cao Chương	DH18CC	Cho		5,6		2,4	8,0	○○○1234567●910	●123456789
5	18118029	Trần Vĩnh Dũng	DH18CC	Dung		4,6		2,2	6,8	○○○12345●78910	○1234567●9
6	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC			0,0		0,0	0,0	●○○12345678910	○123456789
7	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC	Duy		3,8		1,7	5,5	○○○1234●678910	○1234●6789
8	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC	Hai		6,0		2,4	8,0	○○○1234567●910	●123456789
9	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC	Da		5,6		2,3	7,9	○○○123456●8910	○12345678●
10	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC	Duc		4,9		2,4	7,3	○○○123456●8910	○12●456789
11	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC	HL		6,3		2,6	8,9	○○○1234567●910	○12345678●
12	18118077	Thét Chú Long	DH18CC			0,0		0,0	0,0	●○○12345678910	○123456789
13	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC	Lu		5,6		2,4	8,0	○○○1234567●910	●123456789
14	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC	Luon		4,6		2,2	6,8	○○○12345●78910	○1234567●9
15	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC	My		3,5		2,1	5,6	○○○1234●678910	○12345●789
16	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC	Ng		4,9		2,3	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 01

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			5,6		2,3	7,9	○○○123456●8910	○12345678●
18	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC			5,6		2,6	8,2	○○○1234567●910	○1●3456789
19	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC			6,3		2,6	8,9	○○○1234567●910	○12345678●
20	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			4,9		2,4	7,3	○○○123456●8910	○12●456789
21	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC			6,3		2,7	9,0	○○○12345678●10	●123456789
22	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			0,0		0,0	0,0	●○12345678910	○123456789
23	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC			6,3		2,7	9,0	○○○12345678●10	●123456789
24	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			5,2		2,6	7,8	○○○123456●8910	○1234567●9
25	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC			4,9		2,6	7,5	○○○123456●8910	○1234●6789
26	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC			0,0		0,0	0,0	●○12345678910	○123456789
27	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC			5,6		2,6	8,2	○○○1234567●910	○1●3456789
28	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC			5,3		2,4	7,7	○○○123456●8910	○123456●89
29	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC			4,6		2,4	7,0	○○○123456●8910	●123456789
30	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC			4,9		2,6	7,5	○○○123456●8910	○1234●6789
31	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC			4,9		2,6	7,5	○○○123456●8910	○1234●6789
32	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC			4,9		2,6	7,5	○○○123456●8910	○1234●6789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 01

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC			3,5		1,8	5,3	○○○1234●678910	○12●456789
34	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC			4,9		2,1	7,0	○○○123456●8910	●123456789
35	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC			4,6		2,1	6,7	○○○12345●78910	○123456●89
36	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC			5,3		2,4	7,7	○○○123456●8910	○123456●89
37	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC			4,6		2,1	6,7	○○○12345●78910	○123456●89
38	18118183	Nguyễn Hồ Phú	DH18CC			3,5		2,1	5,6	○○○1234●678910	○12345●789
39	18118185	Trần Phúc	DH18CC			4,9		2,3	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
40	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC			4,9		2,6	7,5	○○○123456●8910	○1234●6789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Lê Quang Vinh

Trương Quang Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 09

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			5,6		2,3	7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
2	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC			0,0		0,0	0,0	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	18118023	Nguyễn Tấn Diên	DH18CK			4,9		2,3	7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			5,3		2,5	7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
5	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK			4,9		2,6	7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
6	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK			4,9		2,4	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
7	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK			5,3		2,4	7,7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
8	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL			5,2		2,3	7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
9	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK			5,6		2,4	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	18118051	Bùi Huynh	DH18CK			5,9		2,6	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
11	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK			4,6		2,2	6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
12	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC			5,3		2,5	7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
13	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK			4,6		2,4	7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK			3,9		1,6	5,5	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
15	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL			4,2		1,7	5,9	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
16	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC			5,6		2,6	8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 09

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK			5,6		2,3	7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
18	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK			6,0		2,4	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
19	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK			5,6		2,4	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK			5,3		2,7	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK			5,6		2,4	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL			4,9		2,1	7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK			5,6		2,6	8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK			5,6		2,6	8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK			5,9		2,6	8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
26	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL			3,9		2,2	6,1	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK			4,2		2,6	6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
28	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL			3,9		1,9	5,8	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
29	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK			5,9		2,0	7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
30	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL			4,2		2,1	6,3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
31	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK			4,6		2,2	6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
32	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK			5,3		2,5	7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 09

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL			4,6		2,4	7,0	0012345678910	0123456789
34	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			5,6		2,4	8,0	0012345678910	0123456789
35	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL			5,3		2,4	7,7	0012345678910	0123456789
36	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL			5,6		2,4	8,0	0012345678910	0123456789
37	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK			5,3		2,7	8,0	0012345678910	0123456789
38	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK			5,6		2,6	8,2	0012345678910	0123456789
39	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK			6,0		2,4	8,4	0012345678910	0123456789
40	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK			6,0		2,4	8,4	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Lê Quang Vinh

Nguyễn Quang Trường



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 10

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC	<i>Xu</i>		6,3		2,4	8,7	001234567●910	0123456●89
2	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK	<i>Đ</i>		4,2		2,1	6,3	0012345●78910	012●456789
3	16118011	Tôn Thế Anh	DH16CC	<i>Th</i>		4,9		1,8	6,7	0012345●78910	0123456●89
4	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL	<i>Binh</i>		5,3		1,8	7,1	00123456●8910	0●23456789
5	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK	<i>/</i>		0,0		0,0	0,0	●012345678910	0123456789
6	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK	<i>/</i>		0,0		0,0	0,0	●012345678910	0123456789
7	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK	<i>Đ</i>		5,6		2,4	8,0	001234567●910	●123456789
8	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL	<i>Th</i>		6,0		2,4	8,4	001234567●910	0123●56789
9	16118071	Cao Hoàng Khang	DH16CC	<i>Ho</i>		5,3		2,1	7,4	00123456●8910	0123●56789
10	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC	<i>/</i>		0,0		0,0	0,0	●012345678910	0123456789
11	16118081	Trần Hữu Lâm	DH16CK	<i>Th</i>		6,0		2,7	8,7	001234567●910	0123456●89
12	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK	<i>/</i>		4,9		2,6	7,5	00123456●8910	01234●6789
13	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK	<i>Long</i>		5,3		2,2	7,5	00123456●8910	01234●6789
14	16118102	Phạm Nhật Minh	DH16CK	<i>Minh</i>		5,6		2,6	8,2	001234567●910	01●3456789
15	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK	<i>Ph</i>		6,0		2,4	8,4	001234567●910	0123●56789
16	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC	<i>Nguyen</i>		6,0		2,5	8,5	001234567●910	01234●6789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 10

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC	<i>Thuan</i>		5,3		2,5	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
18	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC	<i>M</i>		6,0		2,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
19	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL	<i>phat</i>		4,9		2,3	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
20	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL	<i>phat</i>		4,9		2,0	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
21	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC	<i>phong</i>		5,3		2,1	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
22	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL	<i>phong</i>		5,6		2,4	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC	<i>Phu</i>		5,6		2,3	7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
24	17118084	Đỗ Hữu Phước	DH17CC	<i>ph</i>		6,3		2,9	9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
25	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK	<i>lm</i>		5,3		2,5	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
26	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK	<i>Q</i>		5,2		2,6	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
27	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK	<i>TC</i>		5,9		2,6	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
28	18118142	Nguyễn Quang Thín	DH18CK	<i>Thín</i>		5,6		2,7	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
29	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiên	DH17CC	<i>tiên</i>		4,9		2,4	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
30	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK	<i>LT</i>		3,5		1,5	5,0	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC	<i>HT</i>		4,9		2,4	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
32	18137045	Nguyễn Đỗ Trung	DH18NL			0,0		0,0	0,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00999

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 10

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK			4,9		2,4	7,3	001234568910	012456789
34	13118326	Nguyễn Nhứt Trường	DH13CC			0,0		0,0	0,0	0012345678910	0123456789
35	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK			5,3		2,2	7,5	001234568910	012346789
36	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK			4,9		2,3	7,2	001234568910	0123456789
37	18118182	Ngô Văn Viết	DH18CK			6,3		2,7	9,0	0012345678910	0123456789
38	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK			5,6		2,6	8,2	001234567910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Lê Quang Vinh

Trương Quang Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 11

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT			5,3		1,6	6,9	○○○12345●78910	○12345678●
2	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT			4,9		1,4	6,3	○○○12345●78910	○12●456789
3	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT			4,6		1,2	5,8	○○○1234●678910	○1234567●9
4	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT			0,0		0,0	0,0	●○○12345678910	○123456789
5	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT			5,3		2,1	7,4	○○○123456●8910	○123●56789
6	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT			5,6		2,1	7,7	○○○123456●8910	○123456●89
7	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT			5,3		1,6	6,9	○○○12345●78910	○12345678●
8	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT			6,3		2,6	8,9	○○○1234567●910	○12345678●
9	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT			5,9		2,3	8,2	○○○1234567●910	○1●3456789
10	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT			4,9		1,8	6,7	○○○12345●78910	○123456●89
11	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC			0,0		0,0	0,0	●○○12345678910	○123456789
12	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT			6,7		2,7	9,4	○○○12345678●10	○123●56789
13	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT			4,2		1,2	5,4	○○○1234●678910	○123●56789
14	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT			4,6		1,3	5,9	○○○1234●678910	○12345678●
15	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT			5,3		2,1	7,4	○○○123456●8910	○123●56789
16	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT			4,9		1,5	6,4	○○○12345●78910	○123●56789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 11

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT			4,6		1,3	5,9	○○○1234●678910	○12345678●
18	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT			6,0		2,4	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
19	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT			4,6		1,8	6,4	○○○12345●78910	○123●56789
20	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT			4,9		1,8	6,7	○○○12345●78910	○123456●89
21	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT			6,0		2,4	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
22	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT			5,2		2,0	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
23	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT			4,9		1,7	6,6	○○○12345●78910	○12345●789
24	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT			6,3		2,3	8,6	○○○1234567●910	○12345●789
25	18154089	Đoàn Minh Nhựt	DH18OT			5,9		2,3	8,2	○○○1234567●910	○1●3456789
26	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT			3,5		1,2	4,7	○○○123●5678910	○123456●89
27	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT			5,3		1,8	7,1	○○○123456●8910	○●23456789
28	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT			5,3		2,1	7,4	○○○123456●8910	○123●56789
29	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT			6,3		2,4	8,7	○○○1234567●910	○123456●89
30	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT			5,6		2,3	7,9	○○○123456●8910	○12345678●
31	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT			5,6		1,8	7,4	○○○123456●8910	○123●56789
32	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT			5,3		1,9	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 11

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT			5,3		2,1	7,4	001234568910	012356789
34	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT			4,6		1,3	5,9	001234678910	012345678
35	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT			6,3		2,4	8,7	001234567910	012345689
36	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT			5,6		2,3	7,9	001234568910	012345678
37	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT			5,3		2,4	7,7	001234568910	012345689
38	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT			4,6		2,1	6,7	001234578910	012345689
39	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT			5,6		2,4	8,0	001234567910	0123456789
40	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT			4,9		1,8	6,7	001234578910	012345689

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Lê Quang Vinh

Nguyễn Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 12

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT			6,3		2,3	8,6	○○○1234567●910	○12345●789
2	18154003	Trương Long Ân	DH18OT			4,6		1,6	6,2	○○○12345●78910	○1●3456789
3	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT			6,0		2,1	8,1	○○○1234567●910	○●23456789
4	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT			4,9		2,1	7,0	○○○123456●8910	●123456789
5	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT			4,6		1,8	6,4	○○○12345●78910	○123●56789
6	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT			4,6		1,9	6,5	○○○12345●78910	○1234●6789
7	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT			5,3		2,4	7,7	○○○123456●8910	○123456●89
8	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT			6,0		2,1	8,1	○○○1234567●910	○●23456789
9	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT			6,0		2,4	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
10	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT			0,0		0,0	0,0	●○○12345678910	○123456789
11	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT			5,6		2,4	8,0	○○○1234567●910	●123456789
12	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT			4,9		1,4	6,3	○○○12345●78910	○12●456789
13	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	DH18OT			4,9		2,3	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
14	18154051	Đinh Nhĩ Khang	DH18OT			6,0		2,2	8,2	○○○1234567●910	○1●3456789
15	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT			0,0		0,0	0,0	●○○12345678910	○123456789
16	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT			5,6		2,0	7,6	○○○123456●8910	○12345●789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 12

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT			5,6		2,4	8,0	○○○1234567●910	●123456789
18	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT			6,0		2,4	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
19	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT			5,6		2,1	7,7	○○○123456●8910	○123456●89
20	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT			6,0		2,5	8,5	○○○1234567●910	○1234●6789
21	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT			0,0		0,0	0,0	●○12345678910	○123456789
22	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT			6,0		2,4	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
23	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT			5,6		2,3	7,9	○○○123456●8910	○12345678●
24	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT			4,6		2,1	6,7	○○○12345●78910	○123456●89
25	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT			5,3		1,9	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
26	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT			5,3		1,8	7,1	○○○123456●8910	○●23456789
27	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT			6,0		2,5	8,5	○○○1234567●910	○1234●6789
28	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT			6,0		2,4	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
29	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT			4,9		2,3	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
30	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT			6,0		2,4	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
31	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT			6,3		2,4	8,7	○○○1234567●910	○123456●89
32	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT			4,9		1,8	6,7	○○○12345●78910	○123456●89



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 12

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT			5,3		2,2	7,5	001234568910	012346789
34	18154105	Đình Hoàng Sơn	DH18OT			5,3		2,1	7,4	001234568910	012356789
35	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tào	DH18OT			5,3		2,4	7,7	001234568910	012345689
36	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT			6,3		2,4	8,7	001234567910	012345689
37	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT			5,3		2,2	7,5	001234568910	012346789
38	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT			0,0		0,0	0,0	0012345678910	0123456789
39	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT			5,6		2,3	7,9	001234568910	0123456789
40	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT			5,3		2,4	7,7	001234568910	012345689

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Lê Quang Vinh

Trương Quý Trung



Mã nhận dạng 01866

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_03**

Tổ Thi **001_DH19TD_03**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 6th	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138001	Võ Hoà An	DH19TD			2,0	9,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
2	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD			5,0	8,0	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
3	19138005	Lê Thái Hoàng An	DH19TD			2,0	7,0	2,5	3,3	0012345678910	0123456789
4	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD			6,0	7,0	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
5	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD			1,0	9,0	1,5	2,9	0012345678910	0123456789
6	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD			6,0	5,5	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
7	19138016	Nguyễn Thị ThuỠ	DH19TD			6,5	8,0	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
8	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD			6,0	9,0	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
9	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD			6,0	7,0	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
10	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT			7,0	7,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
11	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD			8,0	8,5	10	9,3	0012345678910	0123456789
12	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD			6,0	8,0	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
13	19154037	Nguyễn Phan Trường	DH19OT			2,0	7,0	3,0	3,6	0012345678910	0123456789
14	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD			6,5	8,0	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
15	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD			7,0	7,0	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
16	19138020	Đinh Văn Hiền	DH19TD			3,0	7,0	5,0	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01866

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_03**

Tổ Thi

001_DH19TD_03

Tên CBGD

Lê Quang Hiền

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD	<i>Hoàng</i>		5,0	0,0	4,0	3,4	0012345678910	0123456789
18	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD	<i>M</i>		4,0	8,5	4,0	4,9	0012345678910	0123456789
19	19138023	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD	<i>Hoàng</i>		7,0	7,0	9,0	8,2	0012345678910	0123456789
20	19138024	Võ Ngọc Hội	DH19TD	<i>H</i>		5,0	7,0	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
21	19138025	Hoàng Phi Hùng	DH19TD	<i>Phi Hùng</i>		6,0	7,0	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
22	19138027	Bùi Huỳnh Song Huy	DH19TD	<i>Huy</i>		2,0	7,0	2,0	3,0	0012345678910	0123456789
23	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD	<i>Huy</i>		3,0	6,5	3,5	4,0	0012345678910	0123456789
24	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT	<i>Quốc Huy</i>		6,0	7,0	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
25	19138026	Nguyễn Viết Hưng	DH19TD	<i>Hưng</i>		7,0	7,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
26	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD	<i>Khang</i>		4,0	5,0	2,0	3,0	0012345678910	0123456789
27	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD	<i>K</i>		3,0	5,0	6,0	5,2	0012345678910	0123456789
28	19138036	Lê Duy Khánh	DH19TD	<i>Phu</i>		6,0	7,0	1,0	3,2	0012345678910	0123456789
29	19138037	Phạm PhúC Khiêm	DH19TD	<i>Phu</i>		2,0	7,0	0,5	2,1	0012345678910	0123456789
30	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD	<i>K</i>		3,0	6,5	4,0	4,3	0012345678910	0123456789
31	19138040	Nguyễn Ngọc Khoa	DH19TD	<i>Khoa</i>		4,0	7,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
32	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD	<i>Kiên</i>		5,0	6,0	2,0	3,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01866

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_03**

Tổ Thi **001_DH19TD_03**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm bình %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19138042	Nguyễn Cao Kỳ	DH19TD			7,0	6,0	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
34	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT			3,0	6,5	2,0	3,1	0012345678910	0123456789
35	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD			5,0	7,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
36	19138043	Lê Tiến Lợi	DH19TD			7,0	8,5	10	9,1	0012345678910	0123456789
37	19138045	Bùi Văn Hữu Luân	DH19TD			3,0	7,5	8,0	6,9	0012345678910	0123456789
38	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD			4,0	7,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
39	19138048	Nguyễn Cà Na	DH19TD			6,0	6,0	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
40	19138050	Huỳnh Phạm Chánh Nghĩa	DH19TD			7,0	7,0	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
41	19138051	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19TD			6,0	6,0	3,0	4,2	0012345678910	0123456789
42	19138052	Đặng Nghĩa Nhân	DH19TD			3,0	7,0	1,5	2,9	0012345678910	0123456789
43	19138054	Đoàn Lê Quang Nhật	DH19TD			7,0	8,0	2,0	4,2	0012345678910	0123456789
44	19138055	Trần Đình Nhon	DH19TD			6,5	8,0	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
45	19138057	Trần Minh Nhựt	DH19TD							0012345678910	0123456789
46	19138058	Phạm Nguyễn Anh Pha	DH19TD			6,0	8,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
47	19138060	Nguyễn Bảo Phi	DH19TD			6,0	7,0	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
48	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD			7,0	7,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01866

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_03**

Tổ Thi **001_DH19TD_03**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19138064	Vũ Đức Phương	DH19TD			6,0	8,0	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
50	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD			8,5	8,0	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
51	19138066	Mai Văn QuYến	DH19TD			5,0	9,5	10	8,9	0012345678910	0123456789
52	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT			5,0	7,0	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
53	19138067	Võ Thiện Sang	DH19TD			7,5	7,0	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
54	19138068	Lê Bá Nam Sơn	DH19TD			7,0	7,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
55	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD			7,0	8,0	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
56	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD			2,0	6,0	1,5	2,5	0012345678910	0123456789
57	19138072	Trần Hoàng Thái	DH19TD			6,0	5,0	1,0	2,8	0012345678910	0123456789
58	19138073	Đỗ Quang Thành	DH19TD			10	8,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
59	19138074	Nguyễn Tuấn Thành	DH19TD			6,0	9,0	2,0	4,2	0012345678910	0123456789
60	19138075	Trần Công Thịnh	DH19TD			8,0	9,0	9,0	8,8	0012345678910	0123456789
61	19138076	Hồ Thị Hà Thư	DH19TD			7,5	7,0	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
62	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD			6,0	7,0	1,0	8,6	0012345678910	0123456789
63	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD			1,0	9,0	2,5	3,5	0012345678910	0123456789
64	19138079	Cao Quốc Tĩnh	DH19TD			10	9,0	8,0	8,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01866

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19TD_03**

Tổ Thi **001_DH19TD_03**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **11/01/2021**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD			2,6	8,0	2,0	3,2	0012345678910	0123456789
66	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD			4,0	6,0	4,5	4,7	0012345678910	0123456789
67	19138083	Nguyễn Thế Trân	DH19TD			6,5	8,0	3,5	7,4	0012345678910	0123456789
68	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD			3,0	2,0	1,0	1,6	0012345678910	0123456789
69	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD			4,0	7,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
70	19138088	Nguyễn Nhật Trường	DH19TD			2,0	6,5	3,0	3,5	0012345678910	0123456789
71	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD			1,0	7,0	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
72	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT			6,5	7,0	4,5	3,6	0012345678910	0123456789
73	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT			7,0	8,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
74	19138090	Nguyễn Gia Vinh	DH19TD							0012345678910	0123456789
75	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD			7,0	7,0	5,0	5,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 3 Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

CBCT 3

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 11/12/2020

Các Điều Lệ

Ban Công Hành

TS. Vũ Văn Tiến

Lê Quang Hiền

Wu Hong Chun



Mã nhận dạng 01870

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207134)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CKC_01**

Tổ Thi **001_DH19CKC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Huy Bích**

Ngày Thi **25/01/2021**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD204**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC				9	5.0	6.6	0012345●78910
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC				8	5.5	6.5	0012345●78910
3	19118289	Bùi Quốc Đại	DH19CKC							0012345678910
4	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC				10	3.0	5.8	0012345●678910
5	19118295	Huỳnh Tấn Học	DH19CKC				8	5.0	6.2	0012345●78910
6	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC				9	6.0	7.2	00123456●8910
7	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC				10	6.0	7.6	00123456●8910
8	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC				9	3.0	5.4	0012345●678910
9	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC				9	4.0	6.0	0012345●78910
10	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC				8	6.0	6.8	0012345●78910
11	19118304	Phan Sáng	DH19CKC				9	5.0	6.6	0012345●78910
12	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC				8	5.5	6.5	0012345●78910
13	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC				9	6.0	7.2	00123456●8910
14	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC				10	4.0	6.4	0012345●78910



Mã nhận dạng 01870

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Kỹ thuật điện(207134)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi 001_DH19CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 13.. Số sinh viên vắng 1....

Ngày 29 Tháng 2 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Hiền

Nguyễn Văn Đức

Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 01895

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207148)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_02**

Tổ Thi **001_DH19CK_02**

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118004	Nguyễn Xuân Anh	DH19CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19118006	Nguyễn Thành Băng	DH19CK	<i>[Signature]</i>		9,5	8,0	6,0	7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 ● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK	<i>[Signature]</i>		4,4	6,0	0,5	2,4	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
4	19118010	Lê Thái Thiên Bảo	DH19CK	<i>[Signature]</i>		1,9	7,0	1,0	2,4	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
5	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC	<i>[Signature]</i>		5,0	5,0	4,5	4,7	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
6	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK	<i>[Signature]</i>		4,4	0,0	1,5	1,8	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
7	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK	<i>[Signature]</i>		1,0	7,0	3,5	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
8	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK	<i>[Signature]</i>		8,2	4,0	5,5	5,7	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
9	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK	<i>[Signature]</i>		8,5	8,0	5,5	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
10	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK	<i>[Signature]</i>		8,5	5,0	7,0	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
11	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC	<i>[Signature]</i>		9,5	5,0	1,0	3,5	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
12	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK	<i>[Signature]</i>		8,5	6,0	6,0	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
13	19118029	Nguyễn Hữu Đang	DH19CK	<i>[Signature]</i>		9,0	6,0	6,0	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
14	19118040	Lê Văn Đỗ	DH19CK	<i>[Signature]</i>		8,5	8,0	5,5	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
15	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK	<i>[Signature]</i>		5,0	8,0	1,5	3,5	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
16	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC	<i>[Signature]</i>		1,0	8,0	8,0	8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01895

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207148)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_02**

Tổ Thi **001_DH19CK_02**

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118060	Dương Trung	HẬu	DH19CC		8,5	5,5	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
18	19118061	Lê Lý	HẬu	DH19CC		5,0	8,0	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
19	19118064	Ngô Thành	Hiệp	DH19CK		3,8	8,0	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
20	19118070	Nguyễn Văn	Hoan	DH19CK						0012345678910	0123456789
21	19118076	Nguyễn Việt	Hoàng	DH19CK		8,5	6,0	4,0	5,3	0012345678910	0123456789
22	19118079	Trần Lê Phúc	HỘI	DH19CC		9,5	7,5	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
23	19118088	Hà Quang	Huy	DH19CK		5,0	2,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
24	19118093	Nguyễn Minh	Huy	DH19CK		9,5	4,0	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
25	19118081	Ngô Trung	Hung	DH19CK		8,5	8,0	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
26	19118083	Nguyễn Duy	Hung	DH19CK		5,0	7,5	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
27	19118111	Đặng Hoàng	Kiệt	DH19CK		8,5	7,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
28	19118112	Ngô Tấn	Kiệt	DH19CK		8,5	8,0	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
29	19118113	Nguyễn Duy	Kiệt	DH19CK		8,5	4,0	6,0	6,1	0012345678910	0123456789
30	19118116	Lâm Văn	La	DH19CC		5,0	5,0	1,5	2,9	0012345678910	0123456789
31	19118118	Nguyễn Tùng	Lâm	DH19CK		5,0	7,5	5,0	5,5	0012345678910	0123456789
32	19118121	Nguyễn Cảnh	Liêm	DH19CK		5,0	8,0	9,0	8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01895

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 001_DH19CK_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

HD205

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118123	Nguyễn Như Linh	DH19CK	Linh		2,5	6	0	0,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	19118125	Nguyễn Văn	DH19CC	Văn		5,0	8,0	1,5	3,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK	Bình		4,4	6,0	6,0	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 3.3 Số sinh viên vắng 2...

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Huyền

Nguyễn Thị Phương Thảo

[Signature]

Nguyễn Văn Công Chính



Mã nhận dạng 01896

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 002_DH19CK_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118128	Trần Thanh Lộc	DH19CK			9,0	7,0	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
2	19118129	Nguyễn Bá Lợi	DH19CK			8,5	4,0	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
3	19118137	Bùi Duy Lũy	DH19CK			5,0	7,0	6,0	6,0	0012345678910	0123456789
4	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			10	7,0	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
5	19118144	Lê Trần Nhật Minh	DH19CK			10	8,0	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
6	19118147	Hoàng Phương Nam	DH19CK			5,0	6,0	1,0	2,8	0012345678910	0123456789
7	19118149	Lâm Nhật Nam	DH19CK			4,4	4,0	4,0	4,1	0012345678910	0123456789
8	19118151	Trần Duy Nhật Nam	DH19CK			5,0	4,0	1,0	2,4	0012345678910	0123456789
9	19118153	Nguyễn Minh Nghĩa	DH19CK							0012345678910	0123456789
10	19118158	Lê Hoàng Minh Ngọc	DH19CK			5,0	5,0	1,0	2,6	0012345678910	0123456789
11	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC			5,0	0,0	0,5	1,3	0012345678910	0123456789
12	19118167	Phạm Thế Nhật	DH19CK			9,5	8,0	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
13	19118168	Thân Văn Nhó	DH19CK			8,5	4,0	2,0	3,7	0012345678910	0123456789
14	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT			4,4	7,0	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
15	19118171	Trần Trường Phát	DH19CK			8,5	4,0	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
16	19118183	Phạm Công Phương	DH19CK			5,0	5,0	4,0	4,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01896

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 002_DH19CK_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK			8,5	6,0	3,0	4,7	0012345678910	0123456789
18	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC			8,5	7,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
19	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK			5,0	0,0	0,5	1,3	0012345678910	0123456789
20	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK			4,4	6,0	0,5	2,4	0012345678910	0123456789
21	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK			10	8,0	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
22	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK			9,5	7,5	9,0	8,8	0012345678910	0123456789
23	19118198	Nguyễn Trường Sơn	DH19CK			5,0	5,5	1,0	2,7	0012345678910	0123456789
24	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			8,5	5,5	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
25	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			9,4	5,0	3,0	4,7	0012345678910	0123456789
26	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			4,4	8,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
27	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC			8,5	6,0	1,0	3,5	0012345678910	0123456789
28	19118212	Trần Quốc Thái	DH19CK			5,0	3,0	1,0	2,2	0012345678910	0123456789
29	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK							0012345678910	0123456789
30	19118232	Ngô Kế Minh Thuận	DH19CK			3,8	6,0	0,0	2,0	0012345678910	0123456789
31	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK			8,5	6,0	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
32	19118242	Phan Đặng Hoài Tinh	DH19CK			8,5	8,0	2,0	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01896

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 002_DH19CK_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118252	Nguyễn Trần Minh Trí	DH19CK			5,0	4,0	1,0	2,4	001●345678910	0123●56789
34	19118257	Trương Minh	DH19CK			5,0	4,0	1,0	2,4	001●345678910	0123●56789
35	19118259	Nguyễn Đức	DH19CK			8,5	7,0	4,5	5,8	001234●678910	01234567●9
36	19118260	Nguyễn Nhật	DH19CC			9,5	8,0	5,5	6,8	0012345●78910	01234567●9
37	19118264	Cao Linh	DH19CK							●012345678910	0123456789
38	19118271	Phạm Bá	DH19CK			5,0	7,0	3,0	4,2	00123●5678910	01●3456789
39	19118272	Nguyễn Quốc	DH19CK			5,0	6,0	1,0	2,8	001●345678910	01234567●9
40	19154189	Nguyễn Nho	DH19OT			3,8	6,0	1,0	2,6	001●345678910	012345●789
41	19118274	Tăng Quốc	DH19CK			8,5	7,0	1,5	4,0	00123●5678910	●123456789
42	19118276	Phạm Thái Bảo	DH19CK			9,5	7,0	2,0	4,5	00123●5678910	01234●6789
43	19118278	Phan Văn	DH19CC			5,0	2,0	1,0	2,0	001●345678910	●123456789
44	19118282	Nguyễn Quốc	DH19CK			4,4	7,0	1,0	2,9	001●345678910	012345678●9
45	19118284	Lâm Tuấn	DH19CC			5,0	8,0	1,0	3,2	0042●45678910	01●3456789



Mã nhận dạng 01896

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 002_DH19CK_02

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 4 Số sinh viên vắng 3

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2021

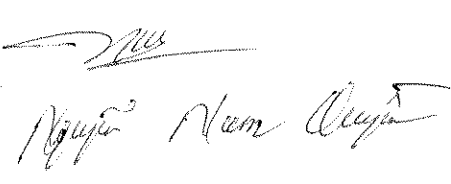
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

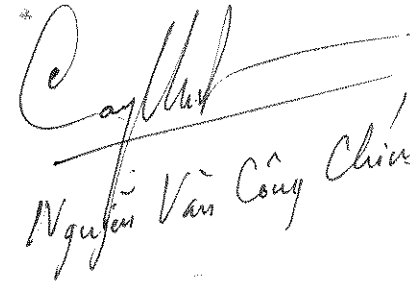
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2




Nguyễn Văn Công Chính



Mã nhận dạng 01915

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cơ lưu chất(207234)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **TINCHI1_01**

Tổ Thi **001_TINCHI1_01**

Tên CBGD **Nguyễn Huy Bích**

Ngày Thi **18/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV103**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137003	Trịnh Tuấn Anh	DH17NL			8	8	4	5.6	0012345678910	0123456789
2	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL			8	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
3	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL			8	7	7	7.2	0012345678910	0123456789
4	16137005	Quách Đình Cẩm	DH16NL			9	6	3	4.8	0012345678910	0123456789
5	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL			9	7	4	5.6	0012345678910	0123456789
6	14137016	Trần Thanh Duy	DH14NL			9	9	6	7.2	0012345678910	0123456789
7	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD			8	7	7	7.2	0012345678910	0123456789
8	16137019	Nguyễn Vũ Hoài	DH16NL			7	8	4	5.4	0012345678910	0123456789
9	16137011	Nguyễn Chí Đại	DH16NL			8	8	6	6.8	0012345678910	0123456789
10	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD			9	8	9	8.8	0012345678910	0123456789
11	14137032	Đặng Hoàng Hào	DH14NL			9	8	5	6.4	0012345678910	0123456789
12	14137002	Lê Nguyễn Việt Hào	DH14NL			8	7	4	5.4	0012345678910	0123456789
13	17137019	Tô Công Hậu	DH17NL			8	7	4	5.4	0012345678910	0123456789
14	15137020	Trần Võ Trọng Hiếu	DH15NL			9	8	6	7.0	0012345678910	0123456789
15	17137026	Phan Phước Hoàng	DH17NL			8	8	6	6.8	0012345678910	0123456789
16	17137022	Huỳnh Nhựt Hồ	DH17NL			7	8	4	5.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01915

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207234)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi TINCHI1_01

Tổ Thi 001_TINCHI1_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL			9	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
18	16137034	Nguyễn Nho	DH16NL			8	7	4	5.4	0012345678910	0123456789
19	17137034	Đỗ Thích	DH17NL			9	7	6	6.8	0012345678910	0123456789
20	17137036	Nguyễn Đăng	DH17NL			8	8	6	6.8	0012345678910	0123456789
21	17137041	Hồ Thanh	DH17NL			9	7	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
22	17137042	Ngô Nguyễn Hữu	DH17NL			8	9	7	7.6	0012345678910	0123456789
23	16137049	Ngô Văn	DH16NL			9	9	6	7.2	0012345678910	0123456789
24	17137056	Đàm Minh	DH17NL			8	8	6	6.8	0012345678910	0123456789
25	17137055	Nguyễn Nhật	DH17NL			9	9	6	7.2	0012345678910	0123456789
26	17137058	Ngô Thành	DH17NL			9	9	8	8.4	0012345678910	0123456789
27	17137059	Phan Thị Thảo	DH17NL			10	9.5	8.5	9.0	0012345678910	0123456789
28	15138054	Trang Minh	DH15TD							0012345678910	0123456789
29	14137070	Trần Văn	DH14NL			8	8	4.5	5.9	0012345678910	0123456789
30	17137064	Đỗ Duy	DH17NL			9	9	7	7.8	0012345678910	0123456789
31	15138066	Nguyễn Minh	DH15TD							0012345678910	0123456789
32	17137067	Nguyễn Công	DH17NL			9	9	9	9.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01915

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ lưu chất(207234)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi TINCHI1_01

Tổ Thi 001_TINCHI1_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17137073	Nguyễn Hải Triều	DH17NL			9	9	4.5	6.3	0012345678910	0123456789
34	17137074	Lê Phước Trọng	DH17NL			9	8	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
35	16137091	Vũ Nhật Trường	DH16NL			8	7	5	6.0	0012345678910	0123456789
36	16137101	Phạm Văn Vĩ	DH16NL			10	10	7.5	8.5	0012345678910	0123456789
37	16137103	Cao Nguyễn Xuân Vinh	DH16NL			8	9	7	7.6	0012345678910	0123456789
38	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL			8	9	8	8.2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 36. Số sinh viên vắng 2.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Nam Cường

Lê Khắc Quý

Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 01920

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy chế biến nông sản - thực phẩm(2072.42)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC			9,3	8,5	5,5	6,9	0012345678910	0123456789
2	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC			8,0	7,8	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
3	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC			9,7	8,8	6,0	7,3	0012345678910	0123456789
4	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC			8,0	8,8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
5	18118029	Trần Vĩnh Dục	DH18CC			7,8	7,3	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
6	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC			8,0	6,3	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
7	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC			6,4	7,2	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
8	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC			8,7	8,7	4,0	5,9	0012345678910	0123456789
9	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC			6,5	6,3	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
10	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC			8,0	7,8	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
11	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC			8,0	7,5	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
12	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC			8,3	8,3	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
13	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC			6,5	6,5	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
14	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC			8,0	7,2	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
15	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC			9,3	8,8	5,5	6,9	0012345678910	0123456789
16	18118077	Thét Chú Long	DH18CC			8,2	6,8	3,5	5,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01920

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy chế biến nông sản - thực phẩm(2072)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118069	Nguyễn Quý	Lộc	NV		6,7	7,0	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
18	18118078	Hồ Minh	Luân	Luân		8,5	6,7	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
19	18118086	Bùi Thị Trà	My	BT		8,8	8,3	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
20	18118088	Lê Đại	Nghĩa	LD		8,0	7,5	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
21	18118090	Phan Trung	Nghĩa	PT		7,5	7,5	4,0	5,4	0012345678910	0123456789
22	18118094	Bồ Tấn	Nhân	BT		9,3	8,0	4,0	5,9	0012345678910	0123456789
23	18118096	Đặng Danh	Nhân	DD		8,0	7,8	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
24	18118100	Dương Thị Tuyết	Nhi	DT		9,5	8,0	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
25	18118120	Lê Tấn	Tài	LT		7,7	7,5	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
26	18118122	Nguyễn Minh	Tâm	NM		6,7	7,8	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
27	18118127	Lương Văn	Thái	LV		9,1	8,2	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
28	18118128	Phạm Văn	Thái	PV		8,3	8,8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
29	18118129	Phan Quốc	Thái	PQ		7,0	7,3	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
30	18118133	Lê Nguyễn Tuấn	Thành	LT		8,8	8,2	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
31	18118137	Nguyễn Hoàng	Thế	NH		8,2	8,2	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
32	18118139	Nguyễn Chí	Thiện	NCT		8,4	8,0	6,5	7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01920

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy chế biến nông sản - thực phẩm(2072)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 26%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC			9,1	7,7	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
34	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC			8,3	8,0	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
35	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC			8,0	7,8	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
36	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC			8,0	8,0	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
37	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC			8,7	8,3	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
38	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC			7,0	7,6	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
39	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC			8,7	7,9	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
40	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC			8,1	7,7	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
41	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC			9,3	8,5	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
42	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC			8,0	8,0	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
43	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC			9,3	7,7	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
44	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC			6,7	7,5	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
45	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC			9,3	8,3	5,5	6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01920

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy chế biến nông sản - thực phẩm(2072)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 45 Số sinh viên vắng 0....

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2021

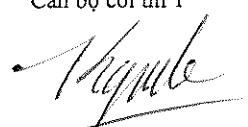
Cán bộ coi thi 1

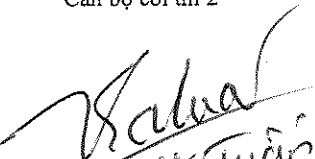
Cán bộ coi thi 2

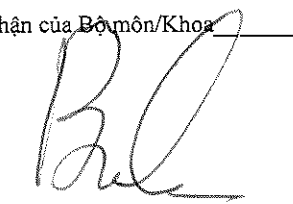
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

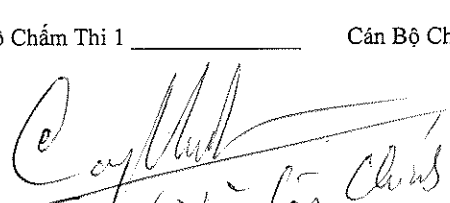
Cán Bộ Chấm Thi 1

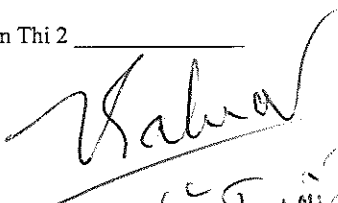
Cán Bộ Chấm Thi 2


Lê Khắc Quý


Lê Văn Tuấn




Nguyễn Văn Công Chính


Lê Văn Tuấn

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

Cán bộ chấm thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH



Mã nhận dạng 01923

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy sau thu hoạch(207304)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi

001_DH17CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK			5,8	3,5	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
2	17118005	Phan Văn Hùng	DH17CK			8,0	7,2	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
3	16118010	Đình Quốc Ân	DH16CK			7,3	6,7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
4	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK			7,3	7,5	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
5	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK			8,0	6,5	9,0	8,2	0012345678910	0123456789
6	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK			7,7	6,2	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
7	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK			8,7	6,8	9,0	8,5	0012345678910	0123456789
8	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK			6,0	6,3	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
9	17118018	Lê Công Danh	DH17CK			7,5	6,5	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
10	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK			8,0	7,2	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
11	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK			8,0	6,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
12	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK			6,5	7,7	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
13	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK			8,0	6,3	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
14	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK			8,7	7,7	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
15	17118032	Trần Hoàng Hân	DH17CK			8,0	6,2	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
16	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK			7,7	6,7	6,0	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01923

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy sau thu hoạch(207304)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi

001_DH17CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK			7,3	7,3	8,0	7,7	00123456●8910	0123456●89
18	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK			7,7	6,8	5,5	6,4	0012345●78910	0123●56789
19	17118046	Trần Khải	DH17CK			7,3	7,0	8,5	7,9	00123456●8910	012345678●
20	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK			7,3	7,0	8,0	7,6	00123456●8910	012345●789
21	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK			7,3	6,3	9,0	8,0	001234567●910	●123456789
22	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			8,7	6,7	5,5	6,7	0012345●78910	0123456●89
23	17118058	Trần Ngọc Minh	DH17CK			8,7	6,5	7,5	7,7	00123456●8910	0123456●89
24	17118059	Nguyễn Hoàng Yến	DH17CK			8,7	7,7	7,5	7,9	00123456●8910	012345678●
25	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK			8,7	6,5	6,5	7,2	00123456●8910	01●3456789
26	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK			6,7	4,5	6,5	6,2	0012345●78910	01●3456789
27	17118063	Trần Phương Nam	DH17CK							●012345678910	0123456789
28	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK			7,3	6,5	6,0	6,5	0012345●78910	01234●6789
29	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK			8,0	6,7	6,0	6,7	0012345●78910	0123456●89
30	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK			7,8	7,0	5,5	6,5	0012345●78910	01234●6789
31	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK							●012345678910	0123456789
32	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK			7,3	7,3	5,0	6,2	0012345●78910	01●3456789

Mã nhận dạng 01923

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy sau thu hoạch(207304)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK			8,0	7,3	9,0	8,4	001234567●910	0123●56789
34	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK			6,8	7,2	8,0	5,0	001234●678910	●123456789
35	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK			8,7	7,0	8,5	8,3	001234567●910	012●456789
36	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK			7,3	7,0	6,5	6,9	0012345●78910	012345678●
37	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK			7,5	4,5	6,0	6,2	0012345●78910	01●3456789
38	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK			7,8	6,3	7,0	7,1	00123456●8910	0●23456789
39	17118094	Bùi Phú Tâm	DH17CK			8,0	4,5	6,0	6,3	0012345●78910	012●456789
40	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK			8,0	7,7	9,0	8,4	001234567●910	0123●56789
41	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK			8,0	7,8	8,0	8,0	001234567●910	●123456789
42	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK			7,3	7,7	8,0	7,7	00123456●8910	0123456●89
43	17118102	Lê Tấn Phú	DH17CK			8,0	7,3	7,0	7,4	00123456●8910	0123●56789
44	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK			8,0	6,8	5,5	6,5	0012345●78910	01234●6789
45	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK							●012345678910	0123456789
46	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK			8,0	7,5	7,5	7,7	00123456●8910	0123456●89
47	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			7,2	7,5	5,0	6,2	0012345●78910	01●3456789
48	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK			8,0	7,8	5,0	6,5	0012345●78910	01234●6789



Mã nhận dạng 01923

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy sau thu hoạch(207304)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 19/01/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK			7,5	4,2	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
50	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK			7,2	4,0	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
51	17118117	Hoàng Ngọc Tín	DH17CK			7,3	8,3	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
52	17118118	Kiều Trọng Tín	DH17CK			6,7	7,2	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
53	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK			7,8	4,5	7,5	7,0	0012345678910	0123456789
54	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK			7,8	7,3	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
55	17118125	Ngô Tùng Trung	DH17CK			8,0	6,5	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
56	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK			7,7	6,5	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
57	17118136	Đặng Thanh Việt	DH17CK			8,7	6,2	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
58	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK			7,8	6,8	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
59	17118142	Võ Tấn Vũ	DH17CK			8,0	6,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 56 Số sinh viên vắng 03

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Ngày in : 11/12/2020

Cán bộ coi thi 2

N.V. Kiệp

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Văn Công Chính

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tuấn



Mã nhận dạng 01924

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy thu hoạch(207305)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Lành

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK			8	4,1	4,5	4,7	0012345678910	0123456789
2	17118005	Phan Văn Hùng	DH17CK			8	7,2	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
3	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK			6	7,7	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
4	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK			8	7,9	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
5	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK			8	6,4	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
6	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK			8	6,6	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
7	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK			7	7,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
8	17118018	Lê Công Danh	DH17CK			7	7,0	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
9	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK			9	7,2	9,0	8,5	0012345678910	0123456789
10	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK			5	6,6	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
11	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK			6	7,4	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
12	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK			8	8,0	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
13	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK			5	7,8	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
14	16118049	Nguyễn Văn Hào	DH16CK			5	6,0	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
15	17118032	Trần Hoàng Hân	DH17CK			8	8,0	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
16	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK			8	6,6	4,0	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01924

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy thu hoạch(207305)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Lành

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15118035	Nguyễn Xuân Hiếu	DH15CK			5	7,2	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
18	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK			8	7,4	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
19	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK			5	6,6	1,5	3,4	0012345678910	0123456789
20	17118046	Trần Khải	DH17CK			8	7,0	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
21	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK			8	7,3	4,0	5,4	0012345678910	0123456789
22	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK			8	7,3	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
23	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			5	5,0	4,0	4,4	0012345678910	0123456789
24	16118081	Trần Hữu Lâm	DH16CK			5	4,0	4,0	4,1	0012345678910	0123456789
25	17118058	Trần Ngọc Minh Mẫn	DH17CK			6	6,4	3,0	4,3	0012345678910	0123456789
26	17118059	Nguyễn Hoàng Yến Mi	DH17CK			7	1,4	2,5	2,6	0012345678910	0123456789
27	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK			8	7,0	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
28	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK			5	6,3	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
29	17118063	Trần Phương Nam	DH17CK			6	6,6	2,6	2,6	0012345678910	0123456789
30	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK			5	6,0	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
31	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK			7	6,5	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
32	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK			7	7,9	4,5	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01924

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy thu hoạch(207305)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Lành

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK			8	6,8	4,5	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK			7	7,1	4,5	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK			5	6,6	4,0	4,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK			5	5,4	3,5	4,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK			9	8,2	8,5	8,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK			7	6,9	7,5	7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK			8	6,8	3,0	4,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK			6	6,4	2,0	3,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	17118094	Bùi Phú Tâm	DH17CK			7	6,2	1,5	3,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK			7	7,8	4,5	5,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK			8	7,4	6,5	6,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK			8	7,6	4,0	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	17118102	Lê Tấn Phú	DH17CK			5	6,5	4,5	5,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK			8	7,2	6,0	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK			6	7,5	—	2,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 01924

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy thu hoạch(207305)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Văn Lành

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV103

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK			5	6,4	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
50	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			7	7,7	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
51	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK			5	6,6	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
52	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK			6	7,0	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
53	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK			8	6,9	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
54	17118117	Hoàng Ngọc Tín	DH17CK			5	7,0	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
55	17118118	Kiều Trọng Tín	DH17CK			7	7,2	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
56	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK			8	6,2	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
57	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK			5	6,8	3,0	4,3	0012345678910	0123456789
58	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK			8	7,3	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
59	17118125	Ngô Tùng Trung	DH17CK			8	7,2	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
60	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK			8	7,8	5,0	6,1	0012345678910	0123456789
61	17118136	Đặng Thanh Việt	DH17CK			8	8,0	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
62	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK			7	6,5	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
63	17118142	Võ Tấn Vũ	DH17CK			7	7,0	3,0	4,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01924

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy thu hoạch(207305)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Lành

Ngày Thi 20/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV103

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 0 Số sinh viên vắng ...3.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Te Van Tran

Nguyễn Văn Lành

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Phạm Duy Lâm



Mã nhận dạng 01925

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy gieo trồng(207306)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD Phạm Duy Lam

Ngày Thi 12/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK				0	3	2,1	001●345678910	0●23456789
2	17118005	Phan Văn Hùng	DH17CK				8	9,0	8,7	001234567●910	0123456●89
3	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK				7,3	5,0	5,7	001234●678910	0123456●89
4	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK				7,5	5,5	6,1	0012345●78910	0●23456789
5	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK				7,8	4,5	5,5	001234●678910	01234●6789
6	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK				7,5	7,5	7,5	00123456●8910	01234●6789
7	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK				6,8	4,5	5,2	001234●678910	01●3456789
8	17118018	Lê Công Danh	DH17CK				7,0	7,0	7,0	00123456●8910	●123456789
9	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK				6,8	6,0	6,2	0012345●78910	01●3456789
10	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK				7,0	7,0	7,0	00123456●8910	●123456789
11	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK				6,8	6,5	6,6	0012345●78910	012345●789
12	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK				6,5	6,0	6,2	0012345●78910	01●3456789
13	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK				7,3	4,5	5,3	001234●678910	012●456789
14	17118032	Trần Hoàng Hân	DH17CK				8,8	6,0	6,8	0012345●78910	01234567●9
15	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK				7,0	6,0	6,3	0012345●78910	012●456789
16	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK				6,8	9,0	8,3	001234567●910	012●456789



Mã nhận dạng 01925

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy gieo trồng(207306)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD Phạm Duy Lam

Ngày Thi 12/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK	Huy			7,0	1,5	3,2	0012345678910	0123456789
18	17118046	Trần Khải	DH17CK	Kh			7,3	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
19	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK	CSH			6,0	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
20	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK	Kiên			7,3	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
21	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK	Lâm			7,3	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
22	17118058	Trần Ngọc Minh Mẫn	DH17CK	Nm			7,0	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
23	17118059	Nguyễn Hoàng Yến	DH17CK	Nguyen			8,3	4,0	5,3	0012345678910	0123456789
24	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK	Nam			7,0	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
25	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK	Nam			7,8	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
26	17118063	Trần Phương Nam	DH17CK	—			7,0	—	2,1	0012345678910	0123456789
27	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK	Phan			6,5	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
28	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK	Qu			7,3	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
29	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK	Nguyen			7,5	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
30	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK	—					—	0012345678910	0123456789
31	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK	Phan			7,3	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
32	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK	Phong			6,5	5,5	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01925

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy gieo trồng(207306)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD Phạm Duy Lam

Ngày Thi 12/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK				7,3	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
34	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK				6,8	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
35	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK				9,5	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
36	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK				8,0	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
37	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK				7,5	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
38	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK				6,3	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
39	17118094	Bùi Phụ Tâm	DH17CK				8,0	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
40	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK				7,5	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
41	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK				7,0	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
42	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK				8,8	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
43	17118102	Lê Tấn Phú	DH17CK				8,8	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
44	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK				6,5	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
45	17118104	Hồ Văn Kỳ	DH17CK				7,3	—	2,2	0012345678910	0123456789
46	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK				7,3	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
47	17118107	Bà Duy Thịnh	DH17CK				6,8	2,5	3,8	0012345678910	0123456789
48	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK				7,0	4,5	5,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01925

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy gieo trồng(207306)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD Phạm Duy Lam

Ngày Thi 12/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK				7,3	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
50	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK				6,0	4,0	4,6	0012345678910	0123456789
51	17118117	Hoàng Ngọc Tín	DH17CK				8,8	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
52	17118118	Kiều Trọng Tín	DH17CK				8,3	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
53	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK				6,8	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
54	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK				6,3	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
55	17118125	Ngô Tùng Trung	DH17CK				6,8	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
56	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK				7,5	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
57	17118136	Đặng Thanh Việt	DH17CK				7,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
58	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK				7,8	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
59	17118142	Võ Tấn Vũ	DH17CK				6,8	5,5	5,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 56 Số sinh viên vắng 03

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 11/12/2020

Phạm Duy Lam

Trần Khắc Quý

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Phạm Duy Lam



Mã nhận dạng 01926

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sử dụng máy(207310)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CK_01**

Tổ Thi **001_DH17CK_01**

Tên CBGD **Đặng Hữu Dũng**

Ngày Thi **21/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV103**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi lý	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118005	Phan Văn Hùng Anh	DH17CK			0,9	1,4	5,6	7,9	0012345678910	0123456789
2	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK			0,8	1	6	7,8	0012345678910	0123456789
3	16118015	Nguyễn Quốc Bảo	DH16CK			0,9	1,4	3,5	5,8	0012345678910	0123456789
4	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK			0,8	0,9	6	7,7	0012345678910	0123456789
5	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK			0,3	0,9	4,2	5,4	0012345678910	0123456789
6	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK			0,8	0,3	5,6	6,7	0012345678910	0123456789
7	17118018	Lê Công Danh	DH17CK			0,8	0,9	4,6	6,3	0012345678910	0123456789
8	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK			0,9	1,3	4,9	7,1	0012345678910	0123456789
9	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK			0,6	0,6	4,6	5,8	0012345678910	0123456789
10	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK			0,8	1	5,6	7,4	0012345678910	0123456789
11	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK			0,9	1,4	4,6	6,9	0012345678910	0123456789
12	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK			0,8	0,4	4,6	5,8	0012345678910	0123456789
13	17118032	Trần Hoàng Hân	DH17CK			0,8	1,7	5,6	8,1	0012345678910	0123456789
14	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK			0,9	1,4	5,6	7,9	0012345678910	0123456789
15	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK			0,8	0,7	2,1	3,6	0012345678910	0123456789
16	17118046	Trần Khải	DH17CK			0,8	0,9	5,6	7,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01926

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sử dụng máy(207310)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH17CK_01**

Tổ Thi **001_DH17CK_01**

Tên CBGD **Đặng Hữu Dũng**

Ngày Thi **21/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV103**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK			0,6	0,9	5,6	7,1	0012345678910	0123456789
18	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK			0,8	0,7	6	7,5	0012345678910	0123456789
19	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			0,6	0,5	4,9	6	0012345678910	0123456789
20	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK			0,6	0,7	2,5	3,8	0012345678910	0123456789
21	17118058	Trần Ngọc Minh	DH17CK			0,8	0,8	5,6	7,2	0012345678910	0123456789
22	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK			0,8	0,9	5,6	7,3	0012345678910	0123456789
23	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK			0,8	0,3	5,6	6,7	0012345678910	0123456789
24	17118063	Trần Phương Nam	DH17CK							0012345678910	0123456789
25	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK			0,8	0,9	1,8	3,5	0012345678910	0123456789
26	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK			0,8	1,4	4,6	6,8	0012345678910	0123456789
27	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK			0,9	1,7	3,9	6,5	0012345678910	0123456789
28	17118072	Nguyễn Minh Nhật	DH17CK							0012345678910	0123456789
29	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK			0,8	1,3	4,6	6,7	0012345678910	0123456789
30	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK			0,8	1,4	6	8,2	0012345678910	0123456789
31	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK			0,4	0,9	5,6	6,9	0012345678910	0123456789
32	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK			0,6	1,7	4,6	6,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01926

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sử dụng máy(207310)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CK_01**

Tổ Thi **001_DH17CK_01**

Tên CBGD **Đặng Hữu Dũng**

Ngày Thi **21/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV103**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi 70	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK			0,8	1,7	6	8,5	0012345678910	0123456789
34	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK			0,6	0,4	4,7	5,7	0012345678910	0123456789
35	17118094	Bùi Phụ Tâm	DH17CK			0,8	0,9	5,4	7,1	0012345678910	0123456789
36	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK			0,8	0,3	5,6	6,7	0012345678910	0123456789
37	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK			0,8	1,4	6	8,2	0012345678910	0123456789
38	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK			0,8	1	5,2	7,2	0012345678910	0123456789
39	17118102	Lê Tấn Phú	DH17CK			0,8	1,7	4,9	7,4	0012345678910	0123456789
40	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK			0,8	1,7	5,8	8,3	0012345678910	0123456789
41	17118104	Hồ Văn Kỳ	DH17CK							0012345678910	0123456789
42	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK			0,6	0	4,9	5,5	0012345678910	0123456789
43	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			0,8	0,9	3,7	5,4	0012345678910	0123456789
44	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK			0,7	0,9	5,6	7,2	0012345678910	0123456789
45	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK			0,8	1,7	6	8,5	0012345678910	0123456789
46	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK			0,8	1,4	3	5,2	0012345678910	0123456789
47	17118117	Hoàng Ngọc Tín	DH17CK			0,5	1	6	7,5	0012345678910	0123456789
48	17118118	Kiều Trọng Tín	DH17CK			0,8	1,6	5,8	8,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01926

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sử dụng máy(207310)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CK_01**

Tổ Thi **001_DH17CK_01**

Tên CBGD **Đặng Hữu Dũng**

Ngày Thi **21/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV103**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi 70	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK	<i>Toàn</i>		0,8	1,5	6	8,3	0012345678910	0123456789
50	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK	<i>Trí</i>		0,8	1,7	2,8	5,3	0012345678910	0123456789
51	17118125	Ngô Tùng Trung	DH17CK	<i>Trung</i>		0,8	1,7	2,5	5	0012345678910	0123456789
52	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK	<i>Tú</i>		0,8	1	2,2	4	0012345678910	0123456789
53	17118136	Đặng Thanh Việt	DH17CK	<i>Việt</i>		0,8	1,4	4,6	6,8	0012345678910	0123456789
54	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK	<i>Việt</i>		0,8	1,4	5,3	7,5	0012345678910	0123456789
55	17118142	Võ Tấn Vũ	DH17CK	<i>Vũ</i>		0,8	2	4	6,8	0012345678910	0123456789
56	16118180	Võ Quang Vy	DH16CK	<i>Vy</i>		0,4	0,8	2,6	3,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 56 Số sinh viên vắng 2

Ngày 08 Tháng 02 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 11/12/2020

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 01939

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207441)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18NL_01

Tổ Thi 001_DH18NL_01

Tên CBGD Nguyễn Trần Phú

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118011	Tôn Thế Anh	DH16CC			5	7	5.5	5.9	0012345678910	0123456789
2	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			10	6	7.2	7.1	0012345678910	0123456789
3	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL			10	10	7.8	8.7	0012345678910	0123456789
4	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
5	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			10	7	8.6	8.3	0012345678910	0123456789
6	16118036	Trần Nguyễn Hải Dương	DH16CC			0	7	5.6	5.5	0012345678910	0123456789
7	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			10	7	4	5.5	0012345678910	0123456789
8	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			10	10	9	9.4	0012345678910	0123456789
9	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL			10	10	7.8	8.7	0012345678910	0123456789
10	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			10	10	7.9	8.7	0012345678910	0123456789
11	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL			10	8	5.6	7.4	0012345678910	0123456789
12	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL			10	6	6.6	6.8	0012345678910	0123456789
13	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			10	8	4.6	6.2	0012345678910	0123456789
14	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL			10	7	6.6	7.1	0012345678910	0123456789
15	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL			10	7	5	6.1	0012345678910	0123456789
16	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL			10	6	7.6	7.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01939

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207441)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18NL_01

Tổ Thi 001_DH18NL_01

Tên CBGD Nguyễn Trần Phú

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 50 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL	<i>phat</i>		10	7	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
18	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL	<i>phat</i>		10	7	5.8	6.6	0012345678910	0123456789
19	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL	<i>phong</i>		10	7	6.6	7.1	0012345678910	0123456789
20	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL	<i>phong</i>		10	7	7.3	7.5	0012345678910	0123456789
21	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL	<i>anh</i>		10	7	6.6	7.1	0012345678910	0123456789
22	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL	<i>quy</i>		10	8	7.6	8.0	0012345678910	0123456789
23	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL	<i>tan</i>		10	7	5.5	6.4	0012345678910	0123456789
24	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL	<i>thien</i>		10	6	5	5.8	0012345678910	0123456789
25	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL	<i>tho</i>		10	7	8.1	8.0	0012345678910	0123456789
26	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL	<i>tri</i>		10	7	8	7.9	0012345678910	0123456789
27	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL	<i>truc</i>		10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
28	18137045	Nguyễn Đỗ Trung	DH18NL							0012345678910	0123456789
29	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL	<i>trung</i>		10	7	7.8	7.8	0012345678910	0123456789
30	18137047	Hồng Nguyễn Phi Trường	DH18NL	<i>truong</i>		10	6	7.6	7.4	0012345678910	0123456789
31	18137050	Nguyễn Thị Yến	DH18NL	<i>yen</i>		10	10	9	9.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01939

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207441)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18NL_01

Tổ Thi 001_DH18NL_01

Tên CBGD Nguyễn Trần Phú

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 32. Số sinh viên vắng 4....

Ngày 03 Tháng 03 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Minh Hiền

Đào Thị Cẩm Nhung

Nguyễn Trần Phú



Mã nhận dạng 01942

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi **001_DH17NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**

Ngày Thi **18/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118010	Đình Quốc Ân	DH16CK			7,5	8,0	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
2	17137005	Mai Thanh	DH17NL			6,8	10	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
3	17137006	Lưu Nhất	DH17NL			6,8	7,8	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
4	17137007	Đậu Sỹ	DH17NL			7,3	8,0	0,5	3,4	0012345678910	0123456789
5	17153011	Nguyễn Minh	DH17CD			6,6	9,0	1,0	3,7	0012345678910	0123456789
6	17137009	Nguyễn Võ Quốc	DH17NL			5,8	8,0	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
7	17137013	Nguyễn Khánh	DH17NL			5,7	8,5	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
8	17137014	Nguyễn Quang	DH17NL			7,3	8,5	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
9	16138019	Lê Trương Công	DH16TD			8,3	8,0	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
10	17137012	Lê Tấn	DH17NL			7,5	8,5	9,5	8,9	0012345678910	0123456789
11	16138021	Nguyễn Chí	DH16TD			9,3	8,0	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
12	17137019	Tô Công	DH17NL			7,0	7,8	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
13	17137020	Nguyễn Thành	DH17NL			5,8	9,8	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
14	17138019	Trần Minh	DH17TD			5,5	9,8	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
15	16138035	Lý Minh	DH16TD			7,2	0	4,0	3,8	0012345678910	0123456789
16	17137026	Phan Phước	DH17NL			5,7	8,8	5,0	5,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01942

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi **001_DH17NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**

Ngày Thi **18/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT102**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL			5,8	9,3	2,0	4,2	0012345678910	0123456789
18	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL			6,2	8,8	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
19	17137033	Phan Đình Huynh	DH17NL			5,7	8,0	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
20	17137034	Đỗ Thích Khang	DH17NL			6,2	8,5	7,0	7,1	0012345678910	023456789
21	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL			6,8	6,0	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
22	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL			6,3	6,0	7,0	6,7	0012345678910	0123456789
23	17137041	Hồ Thanh Lộc	DH17NL			6,8	8,5	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
24	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL			5,2	8,5	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
25	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL			7,0	9,0	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
26	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL			2,8	8,5	0,5	2,6	0012345678910	0123456789
27	17137046	Nguyễn Na Na	DH17NL			6,1	9,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
28	17138033	Lê Nguyễn Hoài	DH17TD			4,9	9,8	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
29	16138067	Trần Văn Phương	DH16TD			7,4	8,0	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
30	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL			5,8	9,3	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
31	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL			7,3	8,5	2,0	4,4	0012345678910	0123456789
32	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL			7,3	8,5	8,5	8,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01942

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17NL_01**

Tổ Thi **001_DH17NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**

Ngày Thi **18/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **CT102**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17137058	Ngô Thành Quí	DH17NL			7,3	9,8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
34	17137059	Phan Thị Thảo	DH17NL			6,9	9,0	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
35	17137067	Nguyễn Công Thúc	DH17NL			6,2	7,8	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
36	17137071	Trần Thùy Trang	DH17NL			8,0	9,0	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
37	17137073	Nguyễn Hải Triều	DH17NL			6,3	9,0	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
38	17137074	Lê Phước Trọng	DH17NL			6,8	9,8	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
39	17138061	Bùi Anh Tuấn	DH17TD							0012345678910	0123456789
40	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL			5,8	9,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
41	17137079	Nguyễn An Hoàng	DH17NL			5,8	8,8	2,0	4,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 12. Số sinh viên vắng 1.

Ngày 1 Tháng 3 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Ngày in : 11/12/2020

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

TS. Trương Công Tiến

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 01043

Trang 1/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD				8	8	8,0	001234567●910	●123456789
2	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
3	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD				8	8	8,0	001234567●910	●123456789
4	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD				8	7	7,4	00123456●8910	0123●56789
5	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
6	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
7	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
8	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
9	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
10	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
11	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
12	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD				8	8	8,0	001234567●910	●123456789
13	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD				8	7	7,4	00123456●8910	0123●56789
14	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD				8	8	8,0	001234567●910	●123456789
15	18138016	Nguyễn Long Ngọc Đình	DH18TD				8	7	7,4	00123456●8910	0123●56789
16	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD				8	8	8,0	001234567●910	●123456789



Mã nhận dạng 01043

Trang 2/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138026	Phan Gia Hiếu	DH18TD				8	8	7,4	00123456●8910	0123●56789
18	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD				8	8	7,4	00123456●8910	0123●56789
19	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD				8	7,0	7,4	00123456●8910	0123●56789
20	17153030	Bùi Văn Hoàng	DH17CD				8,5	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
21	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
22	18138030	Trần Lê Huân	DH18TD				8	8	8,0	001234567●910	●123456789
23	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
24	18138036	Phan Trần Hoàng	DH18TD				8	8	8,0	001234567●910	●123456789
25	18138037	Trần Trọng Huy	DH18TD				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
26	18138032	Chung Hiệp Hưng	DH18TD				8	7	7,4	00123456●8910	0123●56789
27	18138033	Nguyễn Thế Hưng	DH18TD				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
28	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD				8	8	7,4	00123456●8910	0123●56789
29	17153034	Lê Văn Khanh	DH17CD				8,5	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
30	17153035	Dương Quốc Khánh	DH17CD				8,5	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
31	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
32	18138043	Nguyễn Duy Khánh	DH18TD				8	8	7,4	00123456●8910	0123●56789

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138044	Đinh Trọng Khôi	DH18TD				8	7	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
34	18138046	Phạm Văn Tiểu Kỳ	DH18TD				8	7	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
35	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD				8	7	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
36	18138048	Nguyễn Văn Lâm	DH18TD				9	9	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	18138049	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH18TD				8	7	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
38	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD				8	7	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
39	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD				9	9	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD				8	7	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
41	18138054	Sơ Tấn Lũy	DH18TD				9	9	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD				8	7	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
43	17138033	Lê Nguyễn Hoài	DH17TD				8	7	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
44	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD				8	7	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
45	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD				9	9	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD				9	9	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD				8	8	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	18138062	Trần Phát	DH18TD				9	9	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
49	17138039	Lê Quang PHiểu	DH17TD				8	7	7,4	○○○123456●8910	○123●56789
50	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD				8	7	7,4	○○○123456●8910	○123●56789
51	17153057	Nguyễn Đức Phúc	DH17CD				8,5	8,5	8,5	○○○1234567●910	○1234●6789
52	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD				9	9	9,0	○○○12345678●10	●123456789
53	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD				9	9	9,0	○○○12345678●10	●123456789
54	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD				9	9	9,0	○○○12345678●10	●123456789
55	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD				9	9	9,0	○○○12345678●10	●123456789
56	18138072	Lê Tấn Quý	DH18TD				9	9	9,0	○○○12345678●10	●123456789
57	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD				8	7	7,4	○○○123456●8910	○123●56789
58	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD				9	9	9,0	○○○12345678●10	●123456789
59	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD				8	8	8,0	○○○1234567●910	●123456789
60	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD				9	9	9,0	○○○12345678●10	●123456789
61	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD				9	9	9,0	○○○12345678●10	●123456789
62	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD				8	8	8,0	○○○1234567●910	●123456789
63	18138083	Nguyễn Đức Thịnh	DH18TD				8	7	7,4	○○○123456●8910	○123●56789
64	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD				8	7	7,4	○○○123456●8910	○123●56789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
65	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD				8	7	7.4	○○○123456●8910	○123●56789
66	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD				9	9	9.0	○○○12345678●10	●123456789
67	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD				8	7	7.4	○○○123456●8910	○123●56789
68	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD				8	7	7.4	○○○123456●8910	○123●56789
69	18138096	Hồ Duy Thiện Trung	DH18TD				8	8	8.0	○○○1234567●910	●123456789
70	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD				8	7	7.4	○○○123456●8910	○123●56789
71	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD				8	7	7.4	○○○123456●8910	○123●56789
72	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD				8	7	7.4	○○○123456●8910	○123●56789
73	18138102	Ngô Lương Vinh	DH18TD				9	9	9.0	○○○12345678●10	●123456789
74	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD				8.5	8.5	8.5	○○○1234567●910	○1234●6789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 74

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Cao Bích Hà



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 05

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thử	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	DH17CD			10	7.5	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
2	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD			10	8.5	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
3	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD			10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
4	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD			10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
5	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD			8	6	6	6.2	0012345678910	0123456789
6	17153010	Vương Quốc Việt Chí	DH17CD			6	6	6	6.5	0012345678910	0123456789
7	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD			10	7.5	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
8	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD			10	8.5	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
9	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD			8	7.5	7.5	7.6	0012345678910	0123456789
10	17153013	Hà Công Định	DH17CD			10	7.5	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
11	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
12	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD			8	9	9	8.9	0012345678910	0123456789
13	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD			10	8.5	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
14	15153015	Lê Cảnh Trường Giang	DH15CD						N/A	0012345678910	0123456789
15	17153024	Đặng Minh Hải	DH17CD			10	7.5	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
16	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD			10	7.5	7.5	7.8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 05

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm thử	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD			10	9	9	9.1	0012345678910	0123456789
18	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD						7.5	0012345678910	0123456789
19	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD			10	9	9	9.1	0012345678910	0123456789
20	17153032	Lê Nguyễn Huy	DH17CD			8	7.5	7.5	7.6	0012345678910	0123456789
21	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD			10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
22	17153037	Ngô Tín Khoa	DH17CD			10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
23	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD			10	9.5	9.5	9.6	0012345678910	0123456789
24	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD			10	7.5	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
25	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD			10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
26	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD			10	8.5	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
27	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD			10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
28	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD			8	7.5	7.5	7.6	0012345678910	0123456789
29	17153048	Lê Khánh Nguyên	DH17CD			10	7.5	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
30	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD			10	7.5	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
31	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD			8	7.5	7.5	7.6	0012345678910	0123456789
32	17138036	Huỳnh Kim Ninh	DH17TD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01044

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 05

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 10%	Điểm T. kết	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	17138041	Trần Duy Phương	DH17TD			10	9	9	9.1	0012345678910	0123456789
34	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD			10	9.5	9.5	9.6	0012345678910	0123456789
35	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD			8	8.5	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
36	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD			10	6.5	6.5	6.9	0012345678910	0123456789
37	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD			10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
38	17138049	Vô Văn Thành	DH17TD			8	6	6	6.2	0012345678910	0123456789
39	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD			10	7.5	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
40	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD			8	6.5	6.5	6.7	0012345678910	0123456789
41	17138056	Nguyễn Nhứt Tiến	DH17TD			10	9.5	9.5	9.6	0012345678910	0123456789
42	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD			10	8.5	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
43	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD			10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
44	17153072	Nguyễn Hoàng Toán	DH17CD			6	9	9	8.7	0012345678910	0123456789
45	17153076	Phạm Ngọc Triệu	DH17CD			10	8.5	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
46	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD			8	9	9	8.9	0012345678910	0123456789
47	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD			8	6	6	6.2	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 26/11/2020 16:13

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Ng Đăng Khoa



Mã nhận dạng 01943

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Điện tử công suất(207510)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi

001_DH18TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thử	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD			8	8	1.5	4.1	0012345678910	0123456789
2	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD			10	7	1.5	4.0	0012345678910	0123456789
3	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD			6	4	5	4.8	0012345678910	0123456789
4	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD			8	9	5	6.2	0012345678910	0123456789
5	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD			8	9.5	2	4.9	0012345678910	0123456789
6	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD			8	6.5	4.0	5.2	0012345678910	0123456789
7	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD			8	6.5	1.5	3.7	0012345678910	0123456789
8	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD			10	6.5	1	3.6	0012345678910	0123456789
9	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD			8	6	1	3.2	0012345678910	0123456789
10	14153008	Huỳnh Ngọc Cường	DH14CD						Vắng	0012345678910	0123456789
11	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD			10	6	2	4.0	0012345678910	0123456789
12	16138025	Trần Phúc Dũng	DH16TD			8	5	3.5	4.4	0012345678910	0123456789
13	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD			8	5	5	5.3	0012345678910	0123456789
14	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD			10	10	7.5	8.5	0012345678910	0123456789
15	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD			10	4	3.5	4.3	0012345678910	0123456789
16	13153061	Trần Đại Dương	DH13CD						Vắng	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01943

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Điện tử công suất(207510)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 001_DH18TD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm thực	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD			8	6	1	3.2	0012345678910	0123456789
18	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD			8	6	1	3.2	0012345678910	0123456789
19	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD			8	8	0	3.2	0012345678910	0123456789
20	18138016	Nguyễn Long Ngọc Đình	DH18TD			7	7	15	3.7	0012345678910	0123456789
21	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD			10	7	2	4.3	0012345678910	0123456789
22	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD			10	7	3.5	5.2	0012345678910	0123456789
23	18138026	Phan Gia Hiếu	DH18TD			8	4.5	2	3.4	0012345678910	0123456789
24	13138080	Huỳnh Lê Phúc Hòa	DH13TD			8	4.5	3.5	4.3	0012345678910	0123456789
25	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD			8	8	4	5.6	0012345678910	0123456789
26	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD			10	8	0	3.4	0012345678910	0123456789
27	14138011	Nguyễn Chánh Hoàng	DH14TD			10	5	3.5	4.6	0012345678910	0123456789
28	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD			10	4.5	6.0	6.0	0012345678910	0123456789
29	18138030	Trần Lê Huân	DH18TD			8	6	3	4.4	0012345678910	0123456789
30	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD			10	9.5	4.5	6.6	0012345678910	0123456789
31	18138036	Phan Trần Hoàng Huy	DH18TD			10	7	3	4.9	0012345678910	0123456789
32	18138037	Trần Trọng Huy	DH18TD			10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01943

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Điện tử công suất(207510)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi

001_DH18TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm 60 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138032	Chung Hiệp	Hung			8	5	0.5	2.6	0012345678910	0123456789
34	18138033	Nguyễn Thế	Hung			10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
35	18138041	Lê Phúc	Khang			10	8	1	4.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 33. Số sinh viên vắng 2.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Đăng Khoa



Mã nhận dạng 01944

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Điện tử công suất(207510)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 002_DH18TD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm 10 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD			10	9	3.5	5.8	0012345678910	0123456789
2	18138043	Nguyễn Duy Khánh	DH18TD			10	7	2	4.3	0012345678910	0123456789
3	18138044	Đình Trọng Khôi	DH18TD			8	7	2.5	4.4	0012345678910	0123456789
4	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD			6	7	2.5	4.2	0012345678910	0123456789
5	18138046	Phạm Văn Tiểu Kỳ	DH18TD			10	6	4	5.2	0012345678910	0123456789
6	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD			8	9	4	5.9	0012345678910	0123456789
7	18138048	Nguyễn Văn Lâm	DH18TD			10	9.5	4.5	6.6	0012345678910	0123456789
8	18138049	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH18TD			10	6.5	4.5	5.7	0012345678910	0123456789
9	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD			8	7	6	6.5	0012345678910	0123456789
10	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD			10	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
11	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD			10	8	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
12	18138054	Sơ Tấn Lũy	DH18TD			10	10	7.5	8.5	0012345678910	0123456789
13	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD			8	6	2.5	4.1	0012345678910	0123456789
14	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD			10	9	1.5	4.6	0012345678910	0123456789
15	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD			8	9	3	5.0	0012345678910	0123456789
16	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD			8	7	4.5	5.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01944

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Điện tử công suất(207510)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 002_DH18TD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD			10	10	5	7.0	0012345678910	0123456789
18	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD			8	7	4	5.3	0012345678910	0123456789
19	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD			8	6	1.5	3.5	0012345678910	0123456789
20	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD			7	6.5	2.5	4.2	0012345678910	0123456789
21	18138062	Trần Phát	DH18TD			10	6.5	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
22	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD			10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
23	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD			10	7	1	3.7	0012345678910	0123456789
24	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD			10	7	4	5.5	0012345678910	0123456789
25	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD			8	7	4	5.3	0012345678910	0123456789
26	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD			10	7	2	4.3	0012345678910	0123456789
27	13153186	Trần Minh Quang	DH13CD			6	8	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
28	18138072	Lê Tấn Quý	DH18TD			10	8	4	5.8	0012345678910	0123456789
29	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD			10	8	2	4.6	0012345678910	0123456789
30	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD			10	8	2.5	4.9	0012345678910	0123456789
31	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD			8	8	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
32	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD			8	8.5	6.5	7.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01944

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Điện tử công suất(207510)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 002_DH18TD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD			10	10	5.5	7.3	0012345678910	0123456789
34	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD			10	6	2	4.0	0012345678910	0123456789
35	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD			10	9	3	5.5	0012345678910	0123456789
36	18138083	Nguyễn Đức Thịnh	DH18TD						Vinh	0012345678910	0123456789
37	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD			10	7	3	4.9	0012345678910	0123456789
38	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD			10	9	1	4.3	0012345678910	0123456789
39	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD			8	9	1.5	4.1	0012345678910	0123456789
40	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD			10	6	2	4.0	0012345678910	0123456789
41	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD			8	7.5	1.5	4.0	0012345678910	0123456789
42	17138057	Đào Bá Khánh Trình	DH17TD			7	7	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
43	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD			8	6	3	4.4	0012345678910	0123456789
44	18138096	Hồ Duy Thiện Trung	DH18TD			10	7.5	2.5	4.8	0012345678910	0123456789
45	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD			8	6	1.5	3.5	0012345678910	0123456789
46	17138061	Bùi Anh Tuấn	DH17TD						Vinh	0012345678910	0123456789
47	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD			10	7	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
48	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD			10	9	2.5	5.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01944

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Điện tử công suất(207510)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 002_DH18TD_01

Tên CBGD Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi 25/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18138102	Ngô Lương Vinh	DH18TD			8	8.5	4.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1 ... Cán Bộ Chấm Thi 2 ...

Nguyễn Đăng Khoa

Trần Văn Minh

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Nguyễn Đăng Khoa